

Số: 900/TB-ĐHGTVT

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2022

THÔNG BÁO

Về việc rà soát thông tin thành tích trong thực hiện nhiệm vụ để xem xét nâng bậc lương trước thời hạn năm 2022

Căn cứ Quyết định số 2060/QĐ-ĐHGTVT ngày 12/11/2021 của Trường Đại học Giao thông vận tải về việc ban hành Quy chế nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung và nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức và người lao động, Nhà trường thông báo đến toàn thể viên chức và người lao động điều kiện, tiêu chuẩn xét nâng bậc lương trước thời hạn như sau:

1. Điều kiện áp dụng để xem xét nâng bậc lương trước thời hạn:

a) Được cấp có thẩm quyền đánh giá và xếp loại chất lượng ở mức từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên. Không vi phạm kỷ luật một trong các hình thức khiển trách, cảnh cáo, cách chức.

b) Lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền quyết định công nhận bằng văn bản.

c) Chưa xếp bậc lương cuối cùng trong chức danh và tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, còn thiếu từ 12 tháng trở xuống để được nâng bậc lương thường xuyên.

d) Không thực hiện nâng bậc lương trước thời hạn hai lần liên tiếp do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ.

đ) Trường hợp đã được chuyển xếp chức danh giảng viên cao cấp, giảng viên chính, chuyên viên chính hoặc tương đương, với hệ số lương sau khi chuyển xếp lớn hơn một bậc so với hệ số lương trước khi chuyển, thì phải có thời gian giữ bậc lương của chức danh được bổ nhiệm từ 36 tháng trở lên mới được xem xét nâng bậc lương trước thời hạn khi đạt đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.

2. Thành tích để xét nâng bậc lương trước thời hạn được xác định theo thời điểm ban hành quyết định công nhận; thành tích đạt được trong khoảng thời gian 6 năm gần nhất đối với các chức danh có yêu cầu trình độ đào tạo từ cao đẳng trở lên và 4 năm gần nhất đối với các chức danh có yêu cầu trình độ đào tạo từ trung cấp trở xuống và nhân viên thừa hành, phục vụ tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Các thành tích được xét theo thứ tự ưu tiên từ cấp độ thành tích cao nhất tính từ trên xuống, cụ thể như sau:

- Giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước, Huân chương các loại.
- Danh hiệu Nhà nước: Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Huy chương các loại.
- Danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc, Bằng khen của Thủ tướng.
- Chiến sỹ thi đua cấp Bộ.
- Bằng khen cấp Bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương.
- Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở.
- Được bổ nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư.
- Bảo vệ luận án tiến sĩ đúng hạn.
- Người đạt thành tích đặc biệt khác.

Phòng Tổ chức cán bộ đã phối hợp với phòng Công tác chính trị và Sinh viên, phòng Khoa học công nghệ, Công đoàn Trường và Đoàn Thanh niên, tổng hợp danh sách viên chức và người lao động có đủ điều kiện, tiêu chuẩn, đạt thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ để xét nâng bậc lương trước thời hạn năm 2022 (Có danh sách kèm theo).

Để thông tin thành tích của viên chức và người lao động được đảm bảo chính xác, đầy đủ, đề nghị Lãnh đạo các đơn vị phổ biến danh sách thuộc đối tượng đủ điều kiện, tiêu chuẩn để xét nâng bậc lương trước thời hạn năm 2022 đến toàn thể viên chức trong đơn vị được biết. Trường hợp cá nhân, đơn vị có ý kiến bổ sung thông tin thành tích, đề nghị phản hồi bằng văn bản (kèm minh chứng) gửi về Thường trực Hội đồng lương (qua phòng Tổ chức cán bộ, ĐT: 024.38347675, email: tccb@utc.edu.vn) **trước ngày 06/12/2022.**

***Ghi chú:**

Danh sách rà soát thông tin thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ để xét nâng bậc lương trước thời hạn năm 2022 có thể xem tại mục Thông báo trên Trang thông tin điện tử của Trường.

Nơi nhận:

- BGH (để b/c);
- Các đơn vị trong toàn Trường;
- Hội đồng lương;
- Lưu HCTH, TCCB.

TM. HỘI ĐỒNG LƯƠNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG TCCB

TS. Mai Nam Phong

DANH SÁCH RÀ SOÁT THÔNG TIN THÀNH TÍCH TRONG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
ĐỂ XEM XÉT NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN NĂM 2022

(Kèm theo Thông báo số: 900/TB-DHGTVT, ngày 25 tháng 11 năm 2022)

Số TT	Mã NV	ĐƠN VỊ	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	MÃ NGẠCH	HSL hiện giữ	Mức năng lương hiện giữ	DANH HIỆU THI ĐUA ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC																	Ghi chú			
									Giải thưởng HCM, Giải thưởng Nhà nước, Huân chương	Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Huy chương	CSTD toàn quốc, Bằng khen Thủ tướng	CSTD cấp Bộ	BK cấp Bộ, Ngành, Tỉnh, Đoàn thể Trung ương	Chiến sỹ thi đua cơ sở						Người đạt tiêu chuẩn CSTD cơ sở được tặng Giấy khen Hiệu trưởng							Được bổ nhiệm chức danh GS, PGS	BVTS thành công và đúng hạn	Người đạt thành tích đặc biệt khác
														2017	2018	2019	2020	2021	2022	2017	2018	2019	2020	2021	2022				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	18	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	
1	1077	Ban Quản lý Giảng đường	Nguyễn Xuân	Hưng	04/10/1978	V.05.02.07	3,33	01/02/2020																					
2	816	Ban Quản lý Giảng đường	Lê Thị Tuyết	Lan	31/12/1974	01.003	3,66	01/10/2020																					
3	1549	Ban Quản lý Giảng đường	Khuất Minh	Phúc	13/07/1984	01.003	3,00	01/06/2020																					
4	1371	Ban Quản lý Ký túc xá	Mai Đức	Anh	19/02/1984	01.003	3,33	01/08/2020					x			x													
5	1322	Bộ môn Giáo dục thể chất	Đỗ Hồng	Hải	05/03/1987	V.07.01.03	3,33	01/09/2020																					
6	704	Bộ môn Giáo dục thể chất	Nguyễn Bá	Hậu	28/10/1976	V.07.01.03	4,32	01/09/2020																					
7	1069	Ban Quản lý Ký túc xá	Lê Tú	Hoa	13/03/1968	01.003	3,66	01/03/2020																					
8	361	Bộ môn Giáo dục thể chất	Đặng Thị	Yên	21/02/1976	V.07.01.03	4,65	01/12/2020																					
9	1318	Cơ khí ô tô	Phạm Trung	Dũng	01/06/1986	V.07.01.03	3,33	01/08/2020													x							Chưa thanh lý ĐTCT	
10	1359	Công nghệ GT	Nguyễn Văn	Hường	20/10/1985	V.07.01.03	3,33	01/09/2020						x					x			x							
11	1311	Đầu máy toa xe	Phạm Huy	Khương	19/08/1986	V.07.01.03	3,33	01/07/2020																					
12	742	Đầu máy toa xe	Vũ Thị Hoài	Thu	01/11/1979	V.07.01.03	3,99	01/09/2020									x												
13	1338	Đầu máy toa xe	Nguyễn Đức	Toàn	25/11/1987	V.07.01.03	3,33	01/07/2020									x				x							NCS TN 01/2022-12/2025	
14	1341	Máy động lực	Đỗ Văn	Trần	26/08/1984	V.07.01.03	3,33	01/07/2020									x												
15	132	Cơ điện tử	Lê Lăng	Vân	31/01/1959	V.07.01.02	6,78	01/04/2020																					

mjk

(7/2/2024)

Số TT	Mã NV	ĐƠN VỊ	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	MÃ NGẠCH	HSL hiện giữ	Mức năng lương hiện giữ	DANH HIỆU THI ĐUA ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC																		Ghi chú		
									Giải thưởng HCM, Giải thưởng Nhà nước, Huân chương	Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Huy chương	CSTD toàn quốc, Bằng khen Thủ tướng	CSTD cấp Bộ	BK cấp Bộ, Ngành, Tỉnh, Đoàn thể Trung ương	Chiến sỹ thi đua cơ sở						Người đạt tiêu chuẩn CSTD cơ sở được tặng Giấy khen Hiệu trưởng						Được bổ nhiệm chức danh GS, PGS		BVTS thành công và đúng hạn	Người đạt thành tích đặc biệt khác
														2017	2018	2019	2020	2021	2022	2017	2018	2019	2020	2021	2022				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	18	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	
16	1203	Kỹ thuật nhiệt	Nguyễn Thị Thùy	Dung	31/01/1984	V.07.01.03	3,66	01/07/2020																			NCS TN 02/2022-01/2026.		
17	124	Máy xây dựng	Nguyễn Lâm	Khánh	26/08/1972	V.07.01.02	4,74	01/12/2020						x		x		x				x							
18	890	Máy xây dựng	Phạm Anh	Tuấn	21/04/1981	V.07.01.03	3,66	01/12/2020																					
19	810	Thiết kế máy	Bùi Vũ	Hùng	02/10/1980	V.07.01.03	3,99	01/07/2020																					
20	1312	Thiết kế máy	Bùi Văn	Hưng	10/10/1985	V.07.01.03	3,33	01/07/2020																	x		NCS NN 10/2016 - 9/2020, TN 7/2020; BV trước hạn		
21	173	CN phần mềm	Nguyễn Trọng	Phúc	02/10/1976	V.07.01.03	4,65	01/12/2020														x							
22	1651	CN phần mềm	Đào Thị Lệ	Thủy	29/01/1976	V.07.01.03	3,99	01/03/2020															x						
23	1636	Khoa học MT	Phạm Đình	Phong	04/09/1976	V.07.01.03	3,66	15/06/2020									x												
24	1614	Mạng & các HTTT	Nguyễn Trần	Hiếu	16/11/1979	V.07.01.03	3,99	01/10/2020					x				x						x						
25	1406	Mạng & các HTTT	Nguyễn Thị Hồng	Hoa	22/05/1988	V.05.02.07	3,00	01/01/2020															x						
26	172	Mạng & các HTTT	Nguyễn Thanh	Toàn	21/08/1963	V.07.01.03	4,65	01/03/2020					x																
27	884	Mạng & các HTTT	Nguyễn Quốc	Tuấn	20/08/1978	V.07.01.03	4,32	01/09/2020					x				x												
28	1112	Cầu hầm	Chu Văn	An	07/03/1983	V.07.01.03	3,66	01/06/2020																					
29	925	Cầu hầm	Nguyễn Đắc	Đức	30/06/1981	V.07.01.03	3,99	01/07/2020									x												
30	620	Cầu hầm	Vũ Thị Bích	Huệ	24/11/1976	01.003	4,32	01/04/2020																					
31	52	Cầu hầm	Nguyễn Duy	Tiến	07/12/1974	V.07.01.01	6,56	21/03/2020			x	x		x	x	x	x	x											
32	1476	Công trình GTTP&CTT	Mạc Văn	Hà	20/01/1989	V.07.01.03	3,00	01/02/2020																			NCS NN 3/2018 đến 8/2022; TN 09/2022. Đúng hạn		

info

Số TT	Mã NV	ĐƠN VỊ	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	MÃ NGẠCH	HSL hiện giữ	Mức năng lương hiện giữ	DANH HIỆU THI ĐUA ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC																		Ghi chú		
									Giải thưởng HCM, Giải thưởng Nhà nước, Huân chương	Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Huy chương	CSTD toàn quốc, Bằng khen Thủ tướng	CSTD cấp Bộ	BK cấp Bộ, Ngành, Tỉnh, Đoàn thể Trung ương	Chiến sỹ thi đua cơ sở						Người đạt tiêu chuẩn CSTD cơ sở được tặng Giấy khen Hiệu trưởng						Được bổ nhiệm chức danh GS, PGS		BVTS thành công và đúng hạn	Người đạt thành tích đặc biệt khác
														2017	2018	2019	2020	2021	2022	2017	2018	2019	2020	2021	2022				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	18	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	
33	797	Công trình GTTP&CTT	Lê Quang	Hanh	01/03/1978	V.07.01.01	6,56	21/03/2020																					
34	857	Công trình GTTP&CTT	Đào Duy	Lâm	03/10/1979	V.07.01.01	6,56	21/03/2020					x				x	x											
35	1475	Công trình GTTP&CTT	Trần Minh	Long	10/03/1988	V.07.01.03	3,00	01/02/2020																			Chưa thanh lý ĐTCT		
36	68	Địa kỹ thuật	Nguyễn Đức	Hạnh	21/01/1974	V.07.01.02	5,42	01/03/2020																					
37	1216	Địa kỹ thuật	Trần Thị Thu	Hiền	20/10/1984	V.07.01.03	3,66	01/09/2020						x									x						
38	74	Địa kỹ thuật	Võ Thị Hồng	Minh	11/10/1969	V.07.01.02	5,42	01/03/2020																					
39	581	Đường bộ	Đỗ Quốc	Cường	03/01/1976	V.07.01.01	6,56	21/03/2020					x	x			x	x											
40	25	Đường bộ	Nguyễn Quang	Phúc	30/06/1972	V.07.01.01	6,56	21/03/2020						x	x	x		x					x						
41	895	Đường bộ	Đỗ Vương	Vinh	26/10/1981	V.07.01.03	3,99	01/07/2020															x						
42	1427	Đường Ô tô và Sân bay	Nguyễn Văn	Lập	31/12/1987	V.07.01.03	3,00	01/02/2020																					
43	572	Đường Ô tô và Sân bay	Nguyễn Đình	Thạo	20/02/1977	V.07.01.03	4,65	01/02/2020						x		x													
44	949	Đường Ô tô và Sân bay	Phạm Quang	Thông	08/01/1978	V.07.01.03	3,99	01/10/2020																					
45	887	Đường Ô tô và Sân bay	Trần Thị	Thúy	27/05/1981	V.07.01.03	3,99	01/06/2020					x		x		x	x											
46	679	Đường sắt	Mai Tiến	Chinh	12/06/1977	V.07.01.02	4,40	01/01/2020						x															
47	989	Kết cấu	Đào Sỹ	Đán	23/02/1979	V.07.01.03	3,99	01/10/2020																x					
48	1482	Kết cấu	Đỗ Thị	Hằng	07/06/1988	V.07.01.03	3,00	01/02/2020																x					
49	1187	Kết cấu	Trần Việt	Hưng	07/05/1984	V.07.01.03	3,66	01/07/2020					x		x	x	x	x											
50	917	Kết cấu	Bùi Thanh	Quang	04/12/1981	V.07.01.03	3,99	01/07/2020																					
51	1267	Sức bền vật liệu	Vũ Thị	Nga	01/05/1981	V.07.01.03	3,99	01/01/2020																					

Số TT	Mã NV	ĐƠN VỊ	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	MÃ NGẠCH	HSL hiện giữ	Mức năng lương hiện giữ	DANH HIỆU THI ĐUA ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC																		Ghi chú		
									Giải thưởng HCM, Giải thưởng Nhà nước, Huân chương	Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Huy chương	CSTD toàn quốc, Bằng khen Thủ tướng	CSTD cấp Bộ	BK cấp Bộ, Ngành, Tỉnh, Đoàn thể Trung ương	Chiến sỹ thi đua cơ sở						Người đạt tiêu chuẩn CSTD cơ sở được tặng Giấy khen Hiệu trưởng						Được bổ nhiệm chức danh GS, PGS		BVTS thành công và đúng hạn	Người đạt thành tích đặc biệt khác
														2017	2018	2019	2020	2021	2022	2017	2018	2019	2020	2021	2022				
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	18	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
52	1107	Thủy lực - Thủy văn	Hoàng Thị Minh	Hải	06/11/1981	V.05.02.07	3,66	01/06/2020																					
53	1136	Thủy lực - Thủy văn	Nguyễn Thanh	Nga	16/06/1983	V.07.01.03	3,66	01/07/2020																					
54	1298	Tự động hóa TKCD	Phạm Hoàng	Kiên	15/09/1972	V.07.01.01	6,56	21/03/2020					x	x	x	x	x											Đang chờ thanh lý ĐTCB	
55	1026	Tự động hoá TKCD	Hoàng Thủy	Linh	27/12/1982	V.07.01.03	3,99	01/10/2020																					
56	626	VPK Công trình	Nguyễn Thanh	Minh	22/11/1974	01.003	4,32	01/10/2020																					
57	1065	Phòng Đào tạo Đại học	Giáp Văn	Vị	15/06/1965	01.003	3,99	01/09/2020						x															
58	1402	Điều khiển học	Phí Văn	Lâm	06/09/1988	V.07.01.03	3,00	01/02/2020										x					x					BV 2019	
59	1481	Kỹ thuật điện	Nguyễn Đức	Khương	01/02/1988	V.07.01.03	3,00	01/02/2020																				Đi học NN 5/2022-9/2023	
60	918	Kỹ thuật Điện tử	Nguyễn Thúy	Bình	22/12/1981	V.07.01.03	3,99	01/07/2020								x								x					
61	1086	Kỹ thuật thông tin	Nguyễn Đức	Toàn	05/06/1982	V.07.01.03	3,66	01/12/2020								x		x	x										
62	940	Điều khiển và TĐH GT	Vũ Trọng	Thuật	23/11/1980	V.07.01.03	3,99	01/09/2020						x															
63	689	Điều khiển học	Nguyễn Hoàng	Vân	01/01/1977	V.07.01.03	4,65	01/07/2020					x				x								x				
64	618	VPK Điện-Điện tử	Lê Thị Hải	Yến	02/06/1976	01.003	4,32	01/03/2020																					
65	1498	Anh văn	Nguyễn Thị Thu	Hương	19/11/1979	V.07.01.03	4,32	01/01/2020																					
66	961	Anh văn	Đình Như	Lê	13/04/1982	V.07.01.03	3,99	01/06/2020						x															
67	936	Phòng Khảo thí và ĐBCLĐT	Trần Thị Hồng	Thúy	27/12/1977	01.003	3,99	01/08/2020																					
68	1415	Cơ lý thuyết	Vũ Nguyên	Thành	19/10/1988	V.07.01.03	3,00	01/01/2020																					
69	1323	Toán - Giải tích	Nguyễn Văn	Dũng	10/03/1986	V.07.01.03	3,33	01/08/2020																					
70	1416	Toán - Giải tích	Nguyễn Anh	Ngọc	06/07/1989	V.07.01.03	3,00	01/02/2020																					

uy/ps

Số TT	Mã NV	ĐƠN VỊ	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	MÃ NGẠCH	HSL hiện giữ	Mức năng lương hiện giữ	DANH HIỆU THI ĐUA ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC																		Ghi chú		
									Giải thưởng HCM, Giải thưởng Nhà nước, Huân chương	Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Huy chương	CSTD toàn quốc, Bằng khen Thủ tướng	CSTD cấp Bộ	BK cấp Bộ, Ngành, Tỉnh, Đoàn thể Trung ương	Chiến sỹ thi đua cơ sở						Người đạt tiêu chuẩn CSTD cơ sở được tặng Giấy khen Hiệu trưởng						Được bổ nhiệm chức danh GS, PGS		BVTS thành công và đúng hạn	Người đạt thành tích đặc biệt khác
														2017	2018	2019	2020	2021	2022	2017	2018	2019	2020	2021	2022				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	18	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	
71	1003	Toán - Giải tích	Nguyễn Thế	Vinh	21/11/1980	V.07.01.03	4,32	01/06/2020			x		x	x	x	x	x	x											
72	1133	Hình hoạ - Vẽ KT	Bùi Thị	Hồng	16/09/1983	V.07.01.03	3,66	01/07/2020										x											
73	1132	Hình hoạ - Vẽ KT	Hoàng Hải	Long	16/10/1980	V.07.01.03	3,66	01/07/2020																					
74	291	Hình hoạ - Vẽ KT	Bùi Vĩnh	Phúc	13/11/1962	V.07.01.02	6,44	01/07/2020					x	x	x									x					
75	1663	Hình hoạ - Vẽ KT	Tạ Thị	Huệ	14/03/1987	V.07.01.03	3,33	01/08/2020								x							x						
76	634	Hoá học	Hoàng Thị Tuyết	Lan	15/10/1967	V.07.01.01	6,56	21/03/2020					x	x		x	x												
77	558	Hoá học	Trần Thúy	Nga	04/03/1976	V.07.01.02	4,74	01/03/2020					x	x		x	x												
78	1177	Hoá học	Vũ Thị	Xuân	07/02/1978	V.07.01.03	3,99	01/07/2020							x		x												
79	246	Nga - Pháp	Trần Thị	Chanh	17/02/1969	V.07.01.03	4,65	01/12/2020																					
80	557	Nga - Pháp	Nguyễn Thị	Cúc	13/08/1976	V.07.01.02	4,74	01/08/2020					2021																
81	1200	Vật lý	Chu Tiến	Dũng	13/06/1984	V.07.01.03	3,66	01/07/2020						x	x			x						x					
82	1071	NNLCBCCNMLN	Phạm Thị Phương	Mai	19/03/1983	V.07.01.03	3,99	01/08/2020									x							x					
83	1557	NNLCBCCNMLN	Lê Thị Thu	Phương	05/03/1982	V.07.01.03	3,99	01/08/2020					x					x						x					
84	608	Tư tưởng HCM	Lã Quý	Đô	14/12/1974	V.07.01.02	4,74	01/02/2020					x					x						x					
85	1451	Kinh tế xây dựng	Lã Ngọc	Minh	20/04/1990	V.07.01.03	3,00	01/02/2020					BKTD 2018;2019;2021				x		x										
86	1094	Kinh tế xây dựng	Lê Minh	Ngọc	10/10/1984	V.07.01.03	3,66	01//07/2020																				Chưa thanh lý CT	
87	723	Kinh tế xây dựng	Phạm Thị	Tuyết	25/03/1978	V.07.01.02	4,40	01/01/2020									x												
88	612	Cơ sở kinh tế & QL	Nguyễn Thị Hải	Hà	08/01/1978	V.07.01.03	4,32	01/02/2020																					

DANH HIỆU THI ĐUA ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Số TT	Mã NV	ĐƠN VỊ	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	MÃ NGẠCH	HSL hiện giữ	Mức năng lương hiện giữ	DANH HIỆU THI ĐUA ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC																		Ghi chú		
									Giải thưởng HCM, Giải thưởng Nhà nước, Huân chương	Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Huy chương	CSTD toàn quốc, Bằng khen Thủ tướng	CSTD cấp Bộ	BK cấp Bộ, Ngành, Tỉnh, Đoàn thể Trung ương	Chiến sỹ thi đua cơ sở						Người đạt tiêu chuẩn CSTD cơ sở được tặng Giấy khen Hiệu trưởng						Được bổ nhiệm chức danh GS, PGS		BVTS thành công và đúng hạn	Người đạt thành tích đặc biệt khác
														2017	2018	2019	2020	2021	2022	2017	2018	2019	2020	2021	2022				
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	18	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
89	1067	Cơ sở kinh tế & QL	Phạm Anh	Tuấn	23/10/1983	V.07.01.03	3,99	01/09/2020						x		x													
90	1063	Kế toán - kiểm toán	Phạm Thị Lan	Anh	02/04/1973	V.07.01.02	4,74	01/08/2020					x		x		x	x	x										
91	1314	Kế toán - kiểm toán	Trần Thị Hồng	Bích	05/10/1983	V.07.01.03	3,33	01/08/2020																x					
92	1410	Kinh tế vận tải	Nguyễn Thị Thùy	Dung	10/01/1989	V.07.01.03	3,00	01/01/2020											x					x				NCS trong nước 11/2019-10/2022	
93	655	Kinh tế vận tải	Lê Thị Thanh	Hằng	05/10/1977	V.07.01.03	4,32	01/01/2020																x					
94	1435	Kinh tế vận tải	Trần Thị Nguyệt	Hằng	23/01/1988	V.07.01.03	3,00	01/01/2020																x	x				
95	1474	Kế toán - kiểm toán	Nguyễn Thị	Huệ	25/06/1989	V.07.01.03	3,00	01/02/2020			x													x	x				
96	1199	Kế toán - kiểm toán	Đỗ Minh	Ngọc	12/05/1985	V.07.01.03	3,66	01/08/2020																x					
97	1565	Kế toán - kiểm toán	Trần Thị	Thơm	18/12/1993	V.07.01.03	2,67	01/01/2020																					
98	1473	Kế toán - kiểm toán	Mai Thị	Trang	08/03/1990	V.07.01.03	3,00	01/02/2020					BKTD 2018;2019											x	x				
99	638	KT bưu chính VT	Nguyễn Thị Thanh	Nga	03/06/1979	V.07.01.02	4,40	01/01/2020																					
100	227	KT vận tải DL	Nguyễn Thanh	Chương	17/10/1970	V.07.01.01	6,56	21/03/2020		x			x	x	x	x	x	x											
101	1358	Quản trị KD	Chu Tổng Khánh	Linh	15/08/1987	V.07.01.03	3,33	01/08/2020										x						x					
102	1356	Quản trị KD	Đoàn Trọng	Ninh	18/08/1987	V.07.01.03	3,33	01/08/2020					BKTD Đ 2018;2021; BKTD 2017;2022											x	x				
103	544	Phòng Bảo vệ	Ngô Thanh	Tùng	24/12/1970	01.003	4,32	01/03/2020																					

npa

Số TT	Mã NV	ĐƠN VỊ	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	MÃ NGẠCH	HSL hiện giữ	Mức năng lương hiện giữ	DANH HIỆU THI ĐUA ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC																		Ghi chú		
									Giải thưởng HCM, Giải thưởng Nhà nước, Huân chương	Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Huy chương	CSTD toàn quốc, Bằng khen Thủ tướng	CSTD cấp Bộ	BK cấp Bộ, Ngành, Tỉnh, Đoàn thể Trung ương	Chiến sỹ thi đua cơ sở						Người đạt tiêu chuẩn CSTD cơ sở được tặng Giấy khen Hiệu trưởng						Được bổ nhiệm chức danh GS, PGS		BVTS thành công và đúng hạn	Người đạt thành tích đặc biệt khác
														2017	2018	2019	2020	2021	2022	2017	2018	2019	2020	2021	2022				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	18	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	
104	919	Phòng Thanh tra Pháp chế	Trần Văn	Lượng	23/10/1977	01.003	4,32	01/07/2020														x							
105	1156	Phòng CTCT&SV	Phạm Thị	Lý	15/08/1971	01.003	3,66	01/11/2020																					
106	852	Phòng CTCT&SV	Nguyễn Thế	Thái	04/03/1980	01.003	3,99	01/09/2020																					
107	1084	Phòng CTCT&SV	Vũ Thị	Thùy	26/10/1977	01.003	3,66	01/02/2020																					
108	1624	Phòng CTCT&SV	Trần Anh	Nguyễn	02/06/1989	01.003	2,67	01/01/2020																					
109	1449	Phòng Đào tạo Đại học	Nguyễn Quỳnh	Phương	15/10/1983	01.003	3,00	01/02/2020																					
110	1172	Phòng Đào tạo Đại học	Lê Quang	Vượng	29/06/1981	01.003	3,66	01/01/2020																					
111	1499	Trung tâm ĐTTH & CGCNGTVT	Nguyễn Tiến	Đạt	25/09/1990	01.003	2,67	01/09/2020					2021															Nghỉ KL 01/4/2022-30/4/2022. Lùi mức NL 1 tháng	
112	1093	Phòng HTQT &NCPT	Nguyễn Phương	Mai	11/12/1984	01.003	3,66	01/07/2020																					
113	1452	Phòng HTQT &NCPT	Nguyễn Đỗ Minh	Hằng	15/02/1990	01.003	3,00	01/01/2020									x												
114	545	Phòng Khảo thí và ĐBCLĐT	Ngô Thị Thanh	Huyền	12/11/1972	01.003	4,65	01/12/2020														x							
115	1444	Phòng Tài chính Kế toán	Nguyễn Thị Nguyệt	Quế	06/12/1990	01.003	3,00	01/01/2020					x				x							x					
116	1357	Phòng Thiết bị Quản trị	Nguyễn Trung	Hưng	18/09/1982	V.05.02.07	3,33	01/10/2020																					
117	1454	Phòng Đào tạo Đại học	Vũ Thị Hồng	Nhung	11/01/1980	01.003	3,33	01/02/2020																					
118	1507	Trạm Y tế	Nguyễn Lương	Bình	15/10/1971	V.08.01.03	4,65	01/08/2020					2020																
119	1303	Phòng TN Cơ khí	Đặng Văn	Anh	02/03/1983	V.05.02.07	3,33	01/06/2020																					
120	712	Phòng TN Cơ khí	An Tri	Tân	03/05/1978	V.05.02.07	4,32	01/10/2020																					
121	1299	Phòng TN Công trình	Trương Tuấn	An	02/11/1981	V.05.02.07	3,33	01/03/2020																					

Số TT	Mã NV	ĐƠN VỊ	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	MÃ NGẠCH	HSL hiện giữ	Mức nâng lương hiện giữ	DANH HIỆU THI ĐUA ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC																		Ghi chú		
									Giải thưởng HCM, Giải thưởng Nhà nước, Huân chương	Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Huy chương	CSTD toàn quốc, Bằng khen Thủ tướng	CSTD cấp Bộ	BK cấp Bộ, Ngành, Tỉnh, Đoàn thể Trung ương	Chiến sỹ thi đua cơ sở						Người đạt tiêu chuẩn CSTD cơ sở được tặng Giấy khen Hiệu trưởng						Được bổ nhiệm chức danh GS, PGS		BVTS thành công và đúng hạn	Người đạt thành tích đặc biệt khác
														2017	2018	2019	2020	2021	2022	2017	2018	2019	2020	2021	2022				
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	18	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
122	563	Đường bộ	Lương Xuân	Chiều	27/07/1976	V.07.01.03	4,65	01/09/2020					x	x	x	x	x	x											
123	573	Phòng TN Công trình	Ngô Ngọc	Quý	08/12/1976	V.05.02.07	4,65	01/09/2020					x	x	x			x					x						
124	1300	Trung tâm Khoa học Công nghệ	Đặng Thị Thu	Trang	22/10/1982	01.003	3,33	01/10/2020																					
125	1083	TT TTTV	Nguyễn Thị	Hiền	25/04/1981	V.10.02.06	3,66	01/05/2020																					
126	939	TT TTTV	Nguyễn Thị	Hòa	18/10/1979	V.10.02.06	3,99	01/09/2020																					
127	1082	VP. Khoa Cơ khí	Đỗ Thanh	Huyền	22/08/1982	V.10.02.06	3,66	01/05/2020																					
128	666	VP. Khoa Lí luận CT	Đào Thị Minh	Phương	20/05/1975	V.10.02.06	4,32	01/07/2020																					
129	1000	TT TTTV	Phạm Thiên	Thu	31/10/1981	V.10.02.06	3,66	01/05/2020																					
130	1337	Trung tâm Ứng dụng CNTT	Phạm Thị Thanh	Hoa	13/05/1983	01.003	3,33	01/05/2020						x					x										
131	1422	Trung tâm Ứng dụng CNTT	Trịnh Quang	Vinh	27/09/1987	V.05.02.07	3,00	01/01/2020																					
132	1330	Văn phòng Công Đoàn	Nguyễn Thị Thu	Trang	12/09/1985	01.003	3,33	01/12/2020					2017;2021																
133	1301	Văn phòng Đảng ủy	Lương Đức	Hùng	13/05/1978	01.003	3,33	01/03/2020																					
134	1155	Văn phòng Đoàn	Nguyễn Anh	Minh	27/01/1982	01.003	3,66	01/12/2020					BKTDĐ 2020;2022; BKTDĐ 2019;2021																
135	562	Phòng Khảo thí và ĐBCĐĐT	Lê Thị	Thu	12/02/1975	01.002	4,74	01/09/2020							x														
136	1399	Kết cấu xây dựng	Đỗ Văn	Linh	25/12/1985	V.07.01.03	3,00	01/01/2020																x					
137	1173	Kết cấu xây dựng	Bùi Thị Thanh	Mai	16/10/1983	V.07.01.03	3,66	01/01/2020																					
138	1214	Vật liệu XD	Nguyễn Ngọc	Lân	04/10/1982	V.07.01.03	3,66	01/09/2020					x					x						x					



Số TT	Mã NV	ĐƠN VỊ	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	MÃ NGẠCH	HSL hiện giữ	Mức năng lương hiện giữ	DANH HIỆU THI ĐUA ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC																		Ghi chú		
									Giải thưởng HCM, Giải thưởng Nhà nước, Huân chương	Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Huy chương	CSTD toàn quốc, Bằng khen Thủ tướng	CSTD cấp Bộ	BK cấp Bộ, Ngành, Tỉnh, Đoàn thể Trung ương	Chiến sỹ thi đua cơ sở						Người đạt tiêu chuẩn CSTD cơ sở được tặng Giấy khen Hiệu trưởng						Được bổ nhiệm chức danh GS, PGS		BVTS thành công và đúng hạn	Người đạt thành tích đặc biệt khác
														2017	2018	2019	2020	2021	2022	2017	2018	2019	2020	2021	2022				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	18	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	
139	1366	Kỹ thuật ATGT	Cù Thị Thục	Anh	13/11/1982	V.07.01.03	3,66	01/10/2020																				Nghỉ sinh 01/10/2022	
140	986	Xưởng in	Nguyễn Viết	Cường	10/02/1979	01.003	3,99	01/10/2020																					
141	549	Ban Quản lý Kỹ túc xá	Phạm Đức	Bội	16/02/1978	01.004	4,06	01/06/2021																					
142	1018	Ban Quản lý Kỹ túc xá	Cù Văn	Chiến	03/09/1966	01.011	2,76	01/02/2021																					
143	1115	Ban Quản lý Kỹ túc xá	Trần Văn	Khải	18/06/1966	01.011	2,76	01/06/2021																					
144	1151	Phòng Bảo vệ	Nguyễn Văn	Bình	06/06/1976	01.011	2,76	01/12/2021																					
145	713	Phòng Bảo vệ	Lê Văn	Minh	25/10/1979	01.011	3,12	01/02/2021				2020																	
146	1642	Phòng Bảo vệ	Lê Viết	Trung	27/07/1967	01.011	2,94	01/10/2021																					
147	1434	Phòng Hành chính Tổng hợp	Nguyễn Trạc	Kiên	14/02/1977	01.010	3,67	01/12/2021																					
148	1619	Phòng Hành chính Tổng hợp	Phùng Viết	Dương	02/08/1982	01.010	2,95	01/12/2021																					
149	1464	Phòng Thiết bị Quản trị	Lê Duy	Bình	01/08/1991	01.007	2,19	01/04/2021																					
150	1463	Phòng Thiết bị Quản trị	Nguyễn Việt	Hưng	27/10/1988	01.007	2,19	01/04/2021																					
151	1270	Xưởng in	Nguyễn Thị Kim	Dung	20/10/1976	01.007	3,63	01/08/2021																					
152	1509	Xưởng in	Nguyễn Thị Thanh	Hiếu	07/11/1984	01.004	2,86	01/11/2021																					
153	1397	Xưởng in	Nguyễn Thị	Loan	30/06/1984	01.004	2,66	01/01/2021																					
154	725	Xưởng in	Nguyễn Hữu	Tuấn	22/01/1981	01.007	3,27	01/03/2021																					
155	756	Xưởng in	Triệu Thị	Việt	20/02/1975	01.004	3,46	01/10/2021																					
156	1599	Xưởng in	Nguyễn Đình	Phong	25/12/1985	01.007	2,01	01/09/2021																					
157	PH	Bộ môn Cầu hầm và Metro	Nguyễn Thạc	Quang	18/02/1979	V.07.01.03	4,32	01/9/2020					x	x		x	x	x	x									BK của Bộ Trưởng BGD&ĐT	



Số TT	Mã NV	ĐƠN VỊ	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	MÃ NGẠCH	HSL hiện giữ	Mức năng lương hiện giữ	DANH HIỆU THI ĐUA ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC																		Ghi chú		
									Giải thưởng HCM, Giải thưởng Nhà nước, Huân chương	Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Huy chương	CSTD toàn quốc, Bằng khen Thủ tướng	CSTD cấp Bộ	BK cấp Bộ, Ngành, Tỉnh, Đoàn thể Trung ương	Chiến sỹ thi đua cơ sở						Người đạt tiêu chuẩn CSTD cơ sở được tặng Giấy khen Hiệu trưởng						Được bổ nhiệm chức danh GS, PGS		BVTS thành công và đúng hạn	Người đạt thành tích đặc biệt khác
														2017	2018	2019	2020	2021	2022	2017	2018	2019	2020	2021	2022				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	18	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	
158	PH	Bộ môn XDDD và kiến trúc	Vũ Việt	Hưng	27/06/1982	V.07.01.03	3,99	01/12/2020					x	x			x	x	x									BK của Bộ Trưởng BGD&ĐT	
159	PH	Bộ môn Đường bộ - Đường sắt	Nguyễn Văn	Du	14/11/1979	V.07.01.03	4,32	01/07/2020									x	x	x										
160	PH	Bộ môn Tài chính - Kế toán	Đỗ Thị Hải	Yến	17/10/1990	V.07.01.03	3,00	01/9/2020										x	x							x		NCS NN 01/02/2018 - 31/01/2022, TN 01/10/2020, BV trước hạn	
161	PH	Bộ môn Kinh tế xây dựng	Lê Trọng	Tùng	24/09/1984	V.07.01.03	3,66	01/7/2020							x		x	x											
162	PH	Bộ môn Lý luận chính trị	Trịnh Thị	Thanh	08/11/1986	V.07.01.03	3,33	01/02/2020										x						x					
163	PH	Bộ môn Kỹ thuật kết cấu	Nguyễn Công	Thúc	15/06/1985	V.07.01.03	3,00	01/9/2020														x	x	x					
164	PH	Bộ môn Điện - Điện tử	Võ Thiện	Linh	02/02/1984	V.07.01.03	3,66	01/7/2020																x					
165	PH	Bộ môn Cơ sở công trình	Trần Văn	Thuận	12/04/1982	V.07.01.03	3,66	01/7/2020																x					
166	PH	Bộ môn Kỹ thuật kết cấu	Trần Xuân	Hoà	28/08/1988	V.07.01.03	3,00	01/02/2020																x	x				
167	PH	Bộ môn Cơ sở công trình	Lê Thị	Hà	03/04/1987	V.07.01.03	3,33	01/02/2020																	x				
168	PH	Bộ môn Kỹ thuật kết cấu	Nguyễn Lộc	Kha	30/11/1968	V.07.01.03	4,65	01/10/2020										x							x				
169	PH	Bộ môn Công nghệ thông tin	Phạm Thị	Miên	07/10/1983	V.07.01.03	3,33	01/7/2020																	x				

myh